| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: /2021/QĐST-DS | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 132/2016/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2016,

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Thọ H, sinh năm 1957
Địa chỉ: 74/12 đường P, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thoa, sinh năm 1993
Địa chỉ: 605 đường N, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đái Thanh S, sinh năm 1982.
Địa chỉ: 76/2/12 đường P, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đăng M
Địa chỉ: 91 đường Q, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lưu Cảnh H, sinh năm 1947
Địa chỉ: Shenridan Road Chicago IL 60640 USA

- Bà Lưu Khiết P, sinh năm 1954
Địa chỉ: Old Burwood Rd, Burwood East, Vic 3151, Australia

- Ông Lưu Cảnh L, sinh năm 1967
Địa chỉ 97/4/10 Khu 5, Thị trấn L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Lưu Cảnh V, sinh năm 1969
Địa chỉ: Av Mercier Montreal Quebec HILL SG9, Canada

Đại diện theo ủy quyền của ông H, bà P, ông L, ông V: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993
Địa chỉ: 605 đường N, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đái Tú N, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ 97/4/10 Khu 5, Thị trấn L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đăng M

Địa chỉ: 91 đường Q, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Di sản của cụ Lưu Tài M (chết năm 1992) và cụ Lâm Tú A (chết năm 1980) là căn nhà và khuôn viên đất tọa lạc tại địa chỉ số: 97/4/10 khu phố 5 (nay là 76/2/12 đường P), phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1146/2004 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 10/08/2004.

Cụ M và cụ A chết không để lại di chúc. Cha mẹ của cụ M và cụ A đã chết trước cụ M, cụ A. Cụ M và cụ A có 06 (sáu) người con gồm:

1. Ông Lưu Cảnh H, sinh năm 1947
2. Bà Lưu Khiết P, sinh năm 1954
3. Ông Lưu Cảnh L, sinh năm 1967
4. Ông Lưu Cảnh V, sinh năm 1969
5. Ông Lưu Thọ H, sinh năm 1957
6. Bà Lưu Tiết P (chết năm 2013). Chồng của bà Tiết P tên Đái Đạt Q (chết năm 2001). Bà Tiết P có 04 người con gồm: ông Đái Thanh Đ (chết năm 2004, không có vợ con), ông Lưu Thanh N (chết năm 2006, không có vợ con), bà Đái Tú N – sinh năm 1986, ông Đái Thanh S – sinh năm 1982. Như vậy, ông S và bà N sẽ được hưởng phần thừa kế của bà Tiết P.

Thống nhất trị giá nhà đất là 16.597.000.000 đồng (Mười sáu tỷ năm trăm chín mươi bảy triệu đồng) theo Chứng thư thẩm định giá của công ty cổ phần định giá Thành Đô ngày 03/02/2020.

Thống nhất tiền xây sửa nhà mới, tiền công xây dựng nhà năm 2007, tiền lo thủ tục giấy tờ làm chủ quyền, chi phí nâng nền, công sức gìn giữ, bảo quản di sản là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng). Số tiền này các đồng thừa kế trích từ tổng giá trị nhà đất trả cho ông Đái Thanh S và bà Đái Tú N cùng nhận.

[2] Thỏa thuận cách chia:

Tổng trị giá nhà và đất 16.597.000.000 đồng trừ 800.000.000 đồng, số còn lại chia đều thành 06 (sáu) phần cho các đồng thừa kế, cụ thể: (16.597.000.000 đồng – 800.000.000 đồng) : 6 = 2.632.833.333 đồng. Như vậy:

- Ông Lưu Cảnh H, bà Lưu Khiết P, ông Lưu Cảnh L, ông Lưu Cảnh V, ông Lưu Thọ H, bà Lưu Tiết P mỗi người được hưởng 1/6 giá trị nhà đất nêu trên sau khi khấu trừ 800.000.000 đồng, tương đương với số tiền 2.632.833.333 đồng (hai tỷ sáu trăm ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Ông Đái Thanh S và bà Đái Tú N được hưởng phần của bà Lưu Tiết P là: 2.632.833.333 đồng + 800.000.000 đồng = 3.432.833.333 đồng (ba tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Thống nhất để gia đình ông Đái Thanh S lưu cư tại nhà đất nêu trên đến hết tháng 4/2021.

Hết thời hạn trên, các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi nhà đất để chia cho các đồng thừa kế. Cách chia cũng lấy tổng giá trị nhà và đất theo giá thị trường tại thời điểm thi hành án trừ số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) trả cho ông Sâm, bà Nga và các chi phí khác (nếu có), phần còn lại chia theo tỉ lệ 06 (sáu) phần bằng nhau cho 06 người con: Ông Lưu Cảnh H, bà Lưu Khiết P, ông Lưu Cảnh L, ông Lưu Cảnh V, ông Lưu Thọ H, bà Lưu Tiết P mỗi người được hưởng 1/6 giá trị.

Ông Đái Thanh S và bà Đái Tú N được hưởng phần thừa kế của bà Lưu Tiết P và nhận thêm 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng). Số tiền này, ông Sâm và bà Nga tự thỏa thuận phân chia với nhau.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự cùng thỏa thuận:

- Ông Lưu Thọ H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Huê số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng theo Biên lai thu số 02703 ngày 15/4/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lưu Cảnh H, bà Lưu Khiết P được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lưu Cảnh L, ông Lưu Cảnh V mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 42.328.333 (bốn mươi hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

- Ông Đái Thanh S và bà Đái Tú N cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.328.333 (năm mươi triệu ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án quy định Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

**3.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận***:
- Toà án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Nhung**